

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-PT

Ngày: 31/03/2022

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Bà Trần Thị Kim Em

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 215/2021/DS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hồ Phong N, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Nguyễn Văn D, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Đường L, Tổ X, Khu phố H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017.

- *Bị đơn:* Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã H;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Quốc T – Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Tấn K – Công chức địa chính.

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2021. (xin vắng mặt)

2. Hồ Phong C, sinh năm 1965; (vắng mặt)

3. Hồ Phạm Thanh D1, sinh năm 1997; (có mặt)

4. Hồ Phạm Kim N1, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Hồ Phạm Thanh N2, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 217/6/2 Nguyễn Văn Quá, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Hồ Phong N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm;

*Nguyên đơn – ông Hồ Phong N, có người đại diện theo ủy quyền – ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ông N đứng chủ quyền sử dụng phần đất thửa 1130 tờ bản đồ số 2 diện tích  $3.415m^2$  tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phần đất này có vị trí nằm ở phía trong bao bọc bởi kênh và các thửa đất liền kề cho nên khi ông N được cha mẹ phân chia đất thì có phân chia cho ông được quyền quản lý sử dụng lối đi từ phần đất của ông ra đến lộ diện tích có chiều ngang 03m, chiều dài 79m. Lối đi này giáp ranh với 02 phần đất:

- Phần đất của Hồ Việt T diện tích ngang 03m dài 11m, nguồn gốc đất do cha mẹ chia cho Hồ Việt T.

- Phần đất của Hồ Phong C diện tích ngang 3m dài 68m và lối đi này là của cá nhân ông N và gia đình ông sử dụng lối đi này ổn định trên 30 năm.

Đến năm 2016 ông N làm thủ tục để xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cả phần lối đi diện tích  $264,6m^2$  thì bà Phạm Thị Hồng H phát sinh tranh chấp đối với lối đi này, bà H cho rằng diện tích  $264,6m^2$  là thuộc quyền sử dụng đất của bà H. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết đến ngày 07/3/2017 thì Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do bà H rút đơn khởi kiện

Ngày 14/3/2017 tôi họp đồng với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo đạc hiện trạng thực tế của lối đi để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lối đi này thì bà Phạm Thị Hồng H tranh chấp không cho cán bộ đo đạc và cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng đất của bà H, trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông C và bà H thì không có phần diện tích  $264,6m^2$  của lối đi.

Nay ông N yêu cầu công nhận phần diện tích  $264,6m^2$  thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông. Yêu cầu bà H chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất của ông.

*Bị đơn – bà Phạm Thị Hồng H trình bày:*

Bà và ông C có quyền sử dụng đất diện tích 3.615m<sup>2</sup> thửa 1089 tờ bản đồ số 2 đất tại ấp H, xã H, huyện C. Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng là cụ Hồ Văn Quí và cụ Trần Thị Đồng chia đất cho các con. Khi chia đất thì cụ Q và cụ Đ có chia cho ông C phần diện tích đất 264,6m<sup>2</sup> lỗi đi mà ông N đang tranh chấp. Ông C và bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Đến năm 2011 đo đạc để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đoàn đo đạc có trừ phần diện tích lỗi đi này ra khỏi phần đất của ông C và bà. Sau đó bà và ông C được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 119 tờ bản đồ số 19 với diện tích 2.609,3m<sup>2</sup>. Bà và ông C sử dụng phần đất này và không có khiếu nại. Tuy nhiên phần đất ông N tranh chấp vẫn là lỗi đi chung, bà không đồng ý để ông N đăng ký đứng tên đối với phần đất diện tích 264,6m<sup>2</sup> này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Hồ Phong C trình bày:*

Ông được đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 2.609,3m<sup>2</sup> thửa 119 tờ bản đồ số 19. Đối với diện tích 264,6m<sup>2</sup> có nguồn gốc của cha mẹ ông chia cho vợ chồng ông nhưng sau khi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất này nằm ngoài giấy đất nhưng ông và bà H vẫn quản lý sử dụng phần đất này.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông N thì ông không đồng ý vì diện tích đất 264,6m<sup>2</sup> này là của gia đình ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Hồ Phạm Thanh D1, chị Hồ Phạm Kim N1, chị Hồ Phạm Thanh N2 trình bày:*

Ông C và bà H là cha, mẹ của các anh, chị. Ông C và bà H được đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 2.609,3m<sup>2</sup> thửa 119 tờ bản đồ số 19. Đối với diện tích 264,6m<sup>2</sup> có nguồn gốc của cụ Q chia cho ông C và bà H nhưng sau khi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất này nằm ngoài giấy đất nhưng ông C và bà H vẫn quản lý sử dụng phần đất này.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông N thì các anh chị không đồng ý vì diện tích đất 264,6m<sup>2</sup> này là của gia đình ông C và bà H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân xã H, có người đại diện theo ủy quyền – anh Trần Tấn K trình bày:*

Căn cứ và tờ bản đồ số 19 của dự án Vlap thì phần đất diện tích 264,6m<sup>2</sup> là đường đi công cộng do Ủy ban nhân dân xã H quản lý.

Thửa 1089, tờ bản đồ 02 diện tích 3.615m<sup>2</sup> là của ông Hồ Phong C. Phía Tây của thửa đất không thể hiện rõ là giáp kênh hay giáp đường (do bản đồ tỷ lệ 1/5000)

Đến khi có dự án Vlap đo đạc cấp đổi lại thì ông Hồ Phong C đã đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 119 tờ bản đồ số 19. Căn cứ vào bản đồ dự án Vlap lưu tại Ủy ban nhân dân xã H thì phía Tây của thửa 119 là giáp đường đan. Nay Ủy ban nhân dân xã H không đồng ý với yêu cầu được công nhận phần đất diện tích 2.64,4m<sup>2</sup> là của ông N..

Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2021/DS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 249 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Phong N đối với bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu xác định phần đất diện tích 264,6m<sup>2</sup> tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của ông N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2021, nguyên đơn ông Hồ Phong N có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tranh luận: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ tặng cho ông N; Việc ông N chưa đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cha mẹ còn sống và cha mẹ còn đứng tên; Ông N đã sử dụng lối đi này trên 30 năm; Đối với yêu cầu thẩm định lại lối đi tranh chấp. Xét thấy, Tòa án sơ thẩm đã thẩm định đầy đủ nên không cần thiết phải thẩm định lại; Các anh chị em trong gia đình đều thống nhất xác nhận, cha mẹ cho riêng ông N lối đi; Bà H hiện tại chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.609,3m<sup>2</sup> nên cũng không có quyền sử dụng đất đối với lối đi đang tranh chấp; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh là mình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lối đi đang tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Quyền sử dụng đất” là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với đại diện Ủy ban nhân dân xã H có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm ông Hồ Phong C, Hồ Phạm Kim N1 và Hồ Phạm Thanh N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham dự phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo qui định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ông Hồ Phong N và ông Hồ Phong C (chồng của bị đơn Phạm Thị Hồng H) là anh em ruột, cùng là con của cụ Hồ Văn Q và Trần Thị Đ. Ông N được cha mẹ cho phần đất tại thửa đất số 1130, diện tích 3.415m<sup>2</sup>. Ông C được cha mẹ cho phần đất tại thửa đất số 1089, diện tích 3.615m<sup>2</sup>, 02 thửa đất liền kề tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cả hai phần đất này đều được ông N, ông C kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Ông N trình bày khi ông N được cha mẹ phân chia đất thì có phân chia cho ông được quyền quản lý sử dụng lối đi từ phần đất của ông ra đến lộ diện tích có chiều ngang 03m, chiều dài 79m. Lối đi này giáp ranh với 02 phần đất:

- Phần đất của Hồ Việt T diện tích ngang 03m dài 11m, nguồn gốc đất do cha mẹ chia cho Hồ Việt T.

- Phần đất của Hồ Phong C diện tích ngang 3m dài 68m và lối đi này là của cá nhân ông N và gia đình ông sử dụng lối đi này ổn định trên 30 năm.

Đến năm 2016, ông N làm thủ tục để xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cả phần lối đi diện tích 264,6m<sup>2</sup> thì bà Phạm Thị Hồng H phát sinh tranh chấp đối với lối đi này. Bà H thì cho rằng bà và ông C có quyền sử dụng đất diện tích 3.615 m<sup>2</sup> thửa 1089 tờ bản đồ số 2 đất tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng là cụ Hồ Văn Quý và cụ Trần Thị Đồng chia đất cho các con. Khi chia đất thì cụ Q và cụ Đ có chia cho ông C phần diện tích đất 264,6m<sup>2</sup> lối đi mà ông N đang tranh chấp. Ông C và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Đến năm 2011 đo đạc để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đoàn đo đạc có trừ phần diện tích lối đi này ra khỏi phần đất của ông C và bà. Sau đó bà và ông C được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 119 tờ bản đồ số 19 với diện tích 2.609,3m<sup>2</sup>. Bà và ông C sử dụng phần đất này và không có khiếu nại. Tuy nhiên phần đất ông N tranh chấp vẫn là lối đi chung, bà không đồng ý để ông N đăng ký đứng tên đối với phần đất diện tích 264,6m<sup>2</sup> này. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N thì ông N kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hồ Phong N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông N và ông C là anh em ruột có 02 thửa đất liền kề nhau (thửa 1130 và thửa 1089) nguồn gốc 02 thửa đất này được cha mẹ tặng cho, sau đó các bên kê

khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp hiện tại là một lối đi có diện tích  $264,6\text{m}^2$  tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cả hai bên đương sự cùng trình bày thống nhất nguồn gốc phần đất này của cha mẹ để lại. Ông N cho rằng ông được cha mẹ cho để làm lối đi riêng. Bà H thì cho rằng phần diện tích đất tranh chấp hiện nay là đường đi công cộng không nên không đồng ý công nhận cho ông N. Xét lời trình bày của ông N cho rằng phần đất tranh chấp này ông được cha mẹ tặng cho để làm lối đi riêng, ông chứng minh bằng những tờ giấy xác nhận của anh chị em ruột cho rằng cha mẹ tặng cho ông N phần đất này, nhưng bị đơn thì không thừa nhận. Căn cứ vào chứng cứ thu thập có trong hồ sơ thì thấy rằng; Hồ sơ trích lục địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cung cấp, tại “Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” ngày 15/7/1997 thì ông N đăng ký đối với phần đất thửa 1130 với diện tích  $3.415\text{m}^2$  đất vườn. Ngày 05/9/1997, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thửa 1130 cũng với diện tích  $3.415\text{m}^2$  là phù hợp với việc đăng ký của ông. Phần đất lối đi không thuộc thửa 1130. Do đó, lời trình bày của ông là không có cơ sở. Căn cứ vào Hồ sơ trích lục địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cung cấp đối với thửa đất 1089, tại “Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” ngày 11/3/1997 thì ông C và bà H đăng ký đối với phần đất thửa 1089 với diện tích  $3.615\text{m}^2$ . Phần đất lối đi thuộc thửa 1089. Ngày 05/9/1997, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C thửa 1089 cũng với diện tích  $3.615\text{m}^2$  là phù hợp với việc đăng ký của ông C. Ông C và bà H sử dụng phần đất trên ổn định từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Ông N trình bày được cha mẹ chia cho phần đất đang tranh chấp, tuy nhiên ông không có chứng cứ để chứng minh ngoài lời khai của ông và của các anh chị em trong gia đình. Ông N cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Từ khi ông C, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 thì ông N cũng không có khiếu nại hay tranh chấp. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định, “...đây là lối đi đã có từ trước nay được cụ Q, cụ Đ sử dụng nên sau khi chia đất, ông C và bà H vẫn để ông N sử dụng lối đi này ra lối đi công cộng là phù hợp với nguồn gốc quá trình sử dụng đất, phù hợp đạo đức gia đình, xã hội. Ông N được sử dụng phần đất này là dựa trên cơ sở của quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2005 về quyền về lối đi qua bất động sản liền kề, chứ không phải trên cơ sở của chủ sở hữu đối với tài sản của mình, có đủ cơ sở xác định phần đất lối đi diện tích  $264,6\text{m}^2$  thuộc thửa 1089 tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hồ Phong C năm 1997 là hợp pháp. Năm 2010, trên cơ sở đo đạc bản đồ địa chính chính quy, ông C và bà H đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào Hồ sơ trích lục địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp, tại “Đơn đăng ký cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” ngày 12/12/2010 thì ông C và bà H đăng ký đối với phần đất thửa 1089 với diện tích  $2.823\text{m}^2$  thành thửa 119, tờ bản đồ số 19 với diện tích  $2.609,3\text{m}^2$ . Phần đất lối đi thuộc không thuộc thửa 119. Ngày 01/6/2011, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà H thửa 119 với diện tích  $2.609,1\text{m}^2$  là phù hợp với việc đăng ký của ông C, bà H. Ông C,

bà H không có khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà sử dụng ổn định cho đến nay. Theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì có cơ sở để xác định ông C, bà H đã từ bỏ quyền sở hữu đối với quyền sử dụng phần đất lối đi diện tích 264,6m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997. Hiện tại bà H và gia đình cũng không ngăn cản việc đi lại của ông N trên phần đất lối đi này. Phần đất này đã được Nhà nước quy hoạch làm đường đi công cộng theo Dự án Hoàn thiện và Hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai của Việt Nam của Chính phủ (VLAP)..”. Do đó cũng không ảnh hưởng gì đến việc đi lại của ông N trên phần đất tranh chấp. Ông N kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông N. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 249 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hồ Phong N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 215/2021/DS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Phong N đối với bà Phạm Thị Hồng H về việc yêu cầu xác định phần đất diện tích 264,6m<sup>2</sup> tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của ông N.

**3.** Về án phí: Ông Hồ Phong N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cộng chung là 600.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 35256 ngày 11 tháng 5 năm 2017 và số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0005192 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

**4.** Về chi phí tố tụng:

Ông Hồ Phong N phải chịu tiền chi phí tố tụng là 3.100.000 đồng và đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C, TG;
- CCTHADS huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Đạt**